HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 181/2015/NQ-HĐND	*Buôn Ma Thuột, ngày 03 tháng 12 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT
Về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK, KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 16/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-HĐND ngày 27/11/2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT) tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020, gồm các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin vào hoạt động của cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp. Đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Nâng cao vị trí của tỉnh về Chính phủ điện tử. Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Phấn đấu đến năm 2020, Đắk Lắk là một trong những tỉnh đi đầu trong khu vực Tây Nguyên về Chính phủ điện tử, là tỉnh trong tốp đầu về chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin (ICT-INDEX). Thành phố Buôn Ma Thuột cơ bản có nền hành chính hiện đại.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Hạ tầng kỹ thuật:

1.1. Mạng máy tính nội bộ (LAN): Đảm bảo 100% các cơ quan Đảng, nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có hệ thống mạng LAN. Tham gia kết nối hệ thống

mạng của tỉnh, mạng quốc gia. Mở rộng triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đến cấp xã.

1.2. Kết nối Internet: Đảm bảo 100% các cơ quan Đảng, nhà nước các cấp của tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở giáo dục đào tạo, các cơ sở y tế có kết nối Internet tốc độ cao và kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh.

1.3. Trang thiết bị tin học: Đảm bảo 100% cán bộ, công chức của các cơ quan Đảng, nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh được trang bị máy tính làm việc; 80% cán bộ, công chức làm nhiệm vụ chuyên môn cấp xã có trang bị thiết bị tin học để làm việc. Đảm bảo 100% các trường học và cơ sở giáo dục và đào tạo từ trung học phổ thông trở lên có phòng máy tính để đào tạo, 100% các trường mầm non có thiết bị tin học dạy học.

1.4. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: Đảm bảo 100% các cơ quan Đảng, nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và một số thị trấn được trang bị hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

2. Nguồn nhân lực:

2.1. Đảm bảo các cơ quan Đảng, nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh được bố trí đủ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

2.2. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức làm trong cơ quan của Đảng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện và 80% cán bộ công chức cấp xã được đào tạo và sử dụng thành thạo máy tính.

2.3. Đào tạo 100 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn theo Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 05/5/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chuẩn kỹ năng nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc gia và khu vực.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin:

3.1. 80% các văn bản, tài liệu (không phải là văn bản, tài liệu mật) trao đổi giữa các cơ quan Đảng, nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện được trao đổi dưới dạng điện tử; 90% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng Hệ thống thư điện tử của cơ quan nhà nước để trao đổi công việc và văn bản. Các cuộc họp thực hiện trên môi trường mạng của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh với Trung ương, với các huyện được đảm bảo chất lượng tốt.

3.2. 100% cơ quan của Đảng, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng và có Website. Xây dựng Hệ thống Cơ sở dữ liệu tích hợp của tỉnh, ưu tiên dữ liệu phục vụ dịch vụ công trực tuyến, thông tin về dân cư, đất đai, đầu tư, cấp phép... Bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong cơ quan nhà nước.

3.3. Mở rộng triển khai hoàn thành mô hình một cửa điện tử liên thông cho các cơ quan chuyên môn của tỉnh.

3.4. Ứng dụng chữ ký số trong các giao dịch điện tử; dịch vụ hành chính công đạt mức độ 3, 4. Xây dựng Cổng dịch vụ hành chính công trực tuyến nhằm

tập trung các dịch vụ công về một đầu mối cung cấp, đảm bảo cho người dân dễ dàng sử dụng hơn.

3.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh, quản lý trật tự xã hội đáp ứng tình hình mới, đảm bảo làm chủ được công nghệ, kiểm soát được tình hình chủ động đấu tranh phòng, chống tội phạm trên môi trường mạng.

III. NHIỆM VỤ

1. Về hạ tầng công nghệ thông tin:

Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin đồng bộ, hiện đại, kết nối giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp của tỉnh, đảm bảo chủ động làm chủ về công nghệ và an toàn, an ninh thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

2. Về phát triển nguồn nhân lực:

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế và bảo đảm công tác an toàn, an ninh thông tin; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan Đảng, nhà nước các cấp của tỉnh, nâng cao trình độ sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và sử dụng máy tính, đẩy mạnh phổ cập kiến thức công nghệ thông tin cho cộng đồng, xã hội.

3. Về ứng dụng công nghệ thông tin:

Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sâu rộng trong các hoạt động của cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đoàn thể, trong các lực lượng vũ trang và mọi thành phần kinh tế tạo động lực quan trọng góp phần bảo đảm sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Đẩy mạnh việc đầu tư trang bị các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, trong các lực lượng vũ trang; ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trong các tổ chức, doanh nghiệp và trong nhân dân, phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh, nghiên cứu khoa học, bảo đảm công tác an toàn thông tin mạng. Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách bộ máy hành chính nhà nước, cải cách thủ tục hành chính công, đảm bảo các dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến, đầy đủ trên mạng Internet. Xây dựng cơ sở dữ liệu, mẫu biểu điện tử đồng bộ, thống nhất trong các ngành, lĩnh vực, các cấp trong tỉnh phục vụ cung cấp dịch vụ hành chính công. Đến năm 2020, triển khai cơ bản mô hình Chính quyền điện tử trên toàn tỉnh; đến năm 2030 thực hiện thành công Chính quyền điện tử của tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh đảm bảo chủ động làm chủ về công nghệ và an toàn, an ninh thông tin; chủ động phòng chống, đấu tranh hiệu quả trên lĩnh vực an ninh trên mạng; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý an ninh, trật tự xã hội.

Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao đời sống của nhân dân, đảm bảo trang thiết bị phục vụ sự nghiệp giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý lĩnh vực y tế và nâng cao chất lượng an sinh xã hội.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách:

Xây dựng cơ chế chính sách đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, nhà nước, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Có chính sách thu hút đầu tư cho công nghệ thông tin từ khu vực tư nhân và của toàn xã hội.

Ban hành các văn bản quy định về số hóa tài liệu, mẫu biểu hồ sơ, thủ tục hành chính để cung cấp trên mạng Internet. Quy định thống nhất quy trình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân trên hệ thống Một cửa điện tử liên thông, thực hiện trực tuyến.

2. Chỉ đạo, điều hành:

Quán triệt nội dung các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh.

Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết đến từng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tầng lớp nhân dân. Nêu cao vai trò, vị trí của công nghệ thông tin trong tiến trình phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Chỉ đạo thống nhất giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị-xã hội việc đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước các cấp để phục vụ nhân dân, xây dựng chính quyền điện tử là nhiệm vụ hàng đầu.

Đổi mới, nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin; người đứng đầu cấp ủy Đảng, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động trực tiếp chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trong Nghị quyết. Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo công nghệ thông tin ở các cấp, các ngành. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý công nghệ thông tin các cấp, đặc biệt là cấp huyện trở xuống.

Ưu tiên đầu tư các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trọng điểm trong hoạt động của cơ quan nhà nước phục vụ hiện đại hóa nền hành chính, phát triển chính quyền điện tử, các dự án hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các dự án có tính cấp bách. Đầu tư đủ, đồng bộ cả về trang thiết bị thích ứng với yêu cầu của các phần mềm ứng dụng. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

Quá trình đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phải kết hợp chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

3. Giải pháp nguồn nhân lực:

Đẩy mạnh và xã hội hóa việc bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng sử dụng máy tính, khai thác Internet cho người dân.

Tăng cường hợp tác và đa dạng hóa hình thức, phương pháp và đổi mới nội dung đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho lãnh đạo các cơ quan nhà nước, giám đốc công nghệ thông tin. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp.

Xây dựng chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đặc thù công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức làm chuyên trách về công nghệ thông tin.

4. Giải pháp tài chính:

Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các dự án theo kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn.

- ***Ngân sách Trung ương:*** Được cấp theo chương trình, dự án công nghệ thông tin của quốc gia và hỗ trợ một phần cho các dự án công nghệ thông tin trọng điểm của tỉnh.

- ***Ngân sách địa phương:*** Đầu tư cho các chương trình, dự án công nghệ thông tin của địa phương để thực hiện các mục tiêu chung của tỉnh. Trong đó ưu tiên đầu tư cho các dự án công nghệ thông tin trọng điểm có quy mô toàn tỉnh và các dự án công nghệ thông tin sử dụng chung của tỉnh.

Thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên cho công nghệ thông tin như: Chi mua sắm trang thiết bị, phần mềm tin học, chi phí duy trì, bảo dưỡng, đào tạo tập huấn và các hoạt động công nghệ thông tin khác có tính chất thường xuyên được cấp trong dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- ***Nguồn kinh phí khác:*** Huy động mọi nguồn kinh phí xã hội phục vụ đầu tư, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, đào tạo và hợp tác phát triển công nghệ thông tin.

Các ngành, các cấp phải ưu tiên bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ khác để thực hiện Nghị quyết.

2. Tổng kinh phí giai đoạn 2016-2020: Hàng năm phấn đấu chi cho đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin từ tất cả các nguồn vốn tương đương 2% tổng chi ngân sách địa phương.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2016 đến năm 2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2015.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VIII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2015./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ TTTT; Bộ Tài chính; Bộ KHĐT;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu;
- TT. Tỉnh uỷ;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở TTTT, Sở Tài chính;
Sở Tư pháp; Sở KHĐT;
- TT. HĐND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh,
Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Ct.HĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN T. ĐẮK LẮK

Y Biêr Niê